

VĂN HÓA VIỆT NAM VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - KHAI THÁC YẾU TỐ VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ KINH TẾ

PHAN THÀNH NHƠN*

Tiến trình văn hóa và tiến trình kinh tế có cùng chung một chủ thể: yếu tố con người. Lịch sử đã chứng kiến sự phát triển song hành của hai tiến trình này, trong mỗi quan hệ khi thống nhất, khi mâu thuẫn xoay quanh một trục chung là cuộc sống loài người. Đó là mối quan hệ của tự nhiên và xã hội, của vật chất và tinh thần, của tính thực dụng và tính lãng mạn, của quá khứ và tương lai, của một trạng thái tĩnh tương đối (văn hóa) và một trạng thái động tuyệt đối (kinh tế) xét tại một thời điểm. Văn hóa có lúc là động lực, có khi lại trở thành trở lực của tiến trình phát triển kinh tế. Theo quan niệm triết lý phương Nam (xét trong mối quan hệ với phương Bắc là Trung Hoa) thì đó là mối quan hệ của hai thành tố Âm và Dương, hay xét theo quan điểm duy vật thì đó là tính hai mặt của một vấn đề mà khi xem xét một mặt không thể loại trừ mặt còn lại.

Việt Nam từng có và đang có một nền văn hóa dân tộc được thế giới thừa nhận. Biểu hiện của nó là các nền văn minh chói sáng rực rỡ trong lịch sử, từ văn minh trống đồng đến văn minh Đại Việt. Sự tiếp nối liên tục của các nền văn minh đã

* Thạc sĩ Kinh tế, Ngân hàng xuất nhập khẩu. Việt Nam.

tạo nên một nền văn hóa Việt Nam mang bản sắc riêng biệt, có sức sống to lớn duy trì được sự tồn tại của dân tộc Việt, của đất nước Việt Nam ngày nay trải qua nhiều thăng trầm biến động. Trong lĩnh vực kinh tế, chúng ta chưa đạt được tầm mức như vậy. Trong quá khứ, Việt Nam chưa từng đạt một sức mạnh kinh tế bền vững, mà chủ yếu vẫn là một mô hình đóng với nền sản xuất tự cấp tự túc. Thời gian tới, khi nhiệm vụ trọng tâm của đất nước là phát triển kinh tế, như Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã trả lời phỏng vấn báo chí nước ngoài vào ngày 5-5-1998 vừa qua: "Ở Việt Nam chỉ có một ý chí: làm cho Việt Nam giàu nhanh lên", có nghĩa nhiệm vụ phát triển và phát triển nhanh về kinh tế được đặt lên hàng đầu, thì trong công cuộc đó đâu là vai trò của yếu tố văn hóa dân tộc và tiến trình phát triển của nó sẽ đi theo hướng nào? Mục tiêu chính của bản báo cáo là tập trung tìm hiểu vấn đề này.

1. Đâu là nét đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam?

Văn hóa, theo ông Ferredica Mayor, Tổng Thư ký UNESCO, là "*tổng thể sống động các hoạt động sáng tạo (của các cá nhân và các cộng đồng) trong quá khứ và trong hiện tại. Qua các thế kỷ, hoạt động đó đã hình thành nên hệ thống các giá trị, các truyền thống và thị hiếu - những yếu tố xác định đặc tính riêng của những dân tộc*".

Nền văn hóa Việt Nam gắn liền với tích cách của con người Việt Nam, cái này thể hiện cái kia, mô tả cái kia, là động cơ phát triển của cái kia trong mối quan hệ hòa quyện đôi khi trở thành nhất thể. Là một quốc gia có nhiều dân tộc, đương nhiên Việt Nam có nhiều bản sắc văn hóa đa dạng tuy nhiên trên bình diện tổng thể thì văn hóa Việt (Kinh) với tỷ lệ dân cư đông nhất, chiếm đa số tuyệt đối (khoảng 85%) đóng vai trò đại biểu. Nền văn hóa Việt đã được nhiều học giả Việt Nam và quốc tế tìm hiểu nghiên cứu và trở thành một đề tài rộng lớn phổ biến mà hội thảo lần này là một minh chứng.

Với tư cách là một người hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, trình độ hiểu biết về văn hóa học còn hạn chế, tôi không có ý định khám phá lại về điều này mà chỉ sử dụng thành quả của các nhà văn hóa học, Việt Nam học chuyên nghiệp.

Một điều ai cũng thừa nhận là văn hóa Việt Nam có cơ sở là một nền *văn minh nông nghiệp* lúa nước lâu đời và mang đầy đủ các tính chất của một *xã hội dựa trên nền tảng nông nghiệp-nông thôn*, trong đó vai trò của ngôi làng đóng vai trò quan trọng. Chính từ sức sống của đơn vị làng truyền thống Việt Nam mà đất nước này còn hiện hữu, dân tộc này còn hiện hữu, tinh thần này còn hiện hữu trải qua bao nhiêu thế kỷ, bao nhiêu lần bị chia cắt và đô hộ. Đặc thù đó đem lại cho con người Việt Nam mọi ưu điểm cũng như tính hạn chế của tâm lý nông dân: ôn hòa, trung dung, cần cù, cục bộ địa phương, bình quân chủ nghĩa, tùy tiện,

sống theo tình cảm, chủ quan, thiếu cảnh giác, đôi khi ích kỷ... Điều này được phân tích khá đầy đủ trong nhiều tác phẩm (*Người Việt cao quý* của Vũ Hạnh, *Việt Nam văn hóa sử cương* của Đào Duy Anh, *Tim về bản sắc văn hóa Việt Nam* của Trần Ngọc Thêm...). Tính cách này đã để lại dấu ấn trên tiến trình phát triển dân tộc trước kia, hiện nay và sẽ tiếp tục ảnh hưởng lên sự phát triển trong tương lai.

Thực tế lịch sử cho thấy nông dân Việt Nam đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định vận mạng dân tộc. Đây là nguồn cung cấp nhân tài vật lực cho các cuộc chiến tranh giữ nước từ quá khứ cho đến hiện đại, là cái nôi của văn học nghệ thuật, là cái nôi sản sinh ra tầng lớp sĩ phu trước kia và trí thức ngày nay, sản sinh ra hệ tư tưởng Việt Nam. Các nhà lãnh đạo cách mạng hiện đại Việt Nam cũng xuất thân từ đây trước khi tiếp cận với môi trường thành thị. Ngày nay, nông thôn vẫn là nguồn cung cấp lao động chính cho xã hội trên cả lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp.

Thực tế này phải được thừa nhận, cho dù ngày nay chúng ta đặt mục tiêu công nghiệp hóa thì cũng không nên từ bỏ nguồn gốc và bản chất nông nghiệp của mình. Có ý thức được thực sự mình là ai thì mới có thể xác định một đường hướng chiến lược đúng đắn và hợp lý cho bản thân mình được.

2. Văn hóa và phát triển kinh tế trong bối cảnh Việt Nam hiện nay

Tổng giám đốc UNESCO trong một bài phát biểu của mình có nói: "*Văn hóa và phát triển là hai mặt gắn liền với nhau. Hễ nước nào tự đặt cho mình mục tiêu phát triển kinh tế mà tách rời môi trường văn hóa thì nhất định sẽ xảy ra những mất cân đối nghiêm trọng cả về mặt kinh tế lẫn văn hóa... Văn hóa cần coi mình là nguồn cổ xúy trực tiếp cho phát triển, và ngược lại, phát triển cần thừa nhận văn hóa giữ một vị trí trung tâm, một vai trò điều tiết xã hội*".

Việt Nam luôn ý thức được vai trò của văn hóa. Trong các văn kiện, chúng ta thường hay sử dụng cụm từ "*phát triển kinh tế nhưng không quên bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc*". Điều đó đưa đến hai ý cơ bản:

Thứ nhất, nó một lần nữa minh chứng cho sự tồn tại một mâu thuẫn tiềm tàng và thường trực giữa phát triển kinh tế và bảo tồn văn hóa.

Thứ hai, nó cho thấy chúng ta chỉ mới lưu ý đến một mặt của vấn đề là phát triển kinh tế không ảnh hưởng đến bảo tồn văn hóa chứ chưa khai triển về thứ hai (mặc dù đây đó có được đề cập) là dùng môi trường văn hóa như một động lực cho sự phát triển kinh tế.

Công cuộc phát triển kinh tế hiện nay của Việt Nam phải được đặt trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang được nhất thể hóa, toàn cầu hóa, các mối quan hệ

trở nên chằng chịt và cực kỳ nhạy cảm. Mối quan hệ kinh tế được đan xen vào các mối quan hệ về chính trị, hệ tư tưởng, nhân sinh quan và văn hóa. Quá trình tiếp biến văn hóa giữa các vùng lãnh thổ, giữa các dân tộc diễn ra một cách dễ dàng hơn, rút ngắn yếu tố thời gian và bỏ qua yếu tố không gian.

Trong bối cảnh đó, nhận thức và hành vi của con người-chủ thể văn hóa rất dễ bị sự điều chỉnh vượt khỏi tầm kiểm soát của chính họ, trong một môi trường thông tin văn hóa diễn biến tốt và diễn biến xấu đan xen vào nhau trên một mạng truyền thông đa chiều cực kỳ hiệu quả. Bản thân các nước kinh tế phát triển cũng đang phải đối mặt với những vấn đề về đạo đức văn hóa mà tiến bộ khoa học kỹ thuật-tiến bộ kinh tế mang lại cho xã hội của họ, hưởng hồ một xã hội có xuất phát điểm khép kín, lạ lẫm với môi trường bên ngoài như xã hội Việt Nam.

Nhu cầu phát triển kinh tế đôi khi dẫn con người ta đi theo những định hướng giá trị khác, những định hướng văn hóa khác. Theo Giáo sư Lê Quang Thiêm, *"những đối thoại về sự phát triển tiến bộ của xã hội, của con người đã đúc kết 3 định hướng giá trị phổ quát Chân-Thiện-Mỹ: nhận thức cái Chân, thực hiện nghiêm cần cái Thiện nhằm đạt được cái Mỹ"*. Định hướng đó trong bối cảnh kinh tế thị trường dĩ nhiên phải chịu một sức ép điều chỉnh nhất định. Cơ chế thị trường là một cơ chế song phẳng "thuận mua vừa bán" trong đó cái gì cũng phải tự trả giá cho nó, không thể chờ đợi dựa dẫm vào một sự bao cấp nào cả.

Có ý kiến lạc quan cho rằng: *"Hàng số của văn hóa Việt Nam là mở cửa đón nhận truyền thống văn hóa bốn phương, tiếp nhận cái tốt, cái thích hợp, loại bỏ cái xấu, không thích hợp"*. Thực tế không đơn giản như vậy, có khi "cái xấu" lại dễ thâm nhập hơn "cái tốt" nhiều.

Văn hóa không phải là một yếu tố bất biến, nó là một quá trình vận động, và ở đó vai trò điều tiết của chính sách quốc gia vẫn là rất quan trọng để nó không đi lệch tâm quá xa, đến chỗ đánh mất bản sắc dân tộc. Lịch sử minh chứng sự diệt vong của không ít dân tộc, không ít quốc gia một khi thiếu sự cảnh giác đầy đủ về sự "xâm lăng văn hóa" của các yếu tố ngoại lai. Đó chính là "mối mâu thuẫn tiềm tàng và thường trực" mà ta đề cập.

Bản thân văn hóa Việt Nam có những tác động thuận chiều và nghịch chiều lên tiến trình phát triển kinh tế. Đã từng có những ý kiến phân định đâu là yếu tố tích cực trong văn hóa tác động lên tiến trình kinh tế, và đâu là yếu tố tiêu cực. Riêng bản báo cáo này không có ý định liệt kê phân tích các nhân tố tác động thuận chiều và các nhân tố tác động nghịch chiều vì với cùng một nhân tố, trong cảnh huống này là thuận chiều, trong cảnh huống khác đã trở thành ngược chiều, khi chúng ta phát huy theo hướng này nó là thuận chiều, khi vận dụng nó theo hướng khác lại đã trở thành nghịch chiều. Đó chính là tính chất phi nguyên tắc hóa của tiến trình kinh tế mà khi tham gia vào, yếu tố văn hóa cũng chịu sự chi phối của quy luật này.

Vậy đâu là cơ sở cho việc điều phối các tác động thuận-nghịch này? Xin được đề xuất 3 yêu cầu cần phải được đáp ứng:

Một là, nhìn nhận đúng đắn thực tế.

Hai là, không đi ngược lại các quy luật khách quan kinh tế-xã hội.

Ba là, phát huy tối đa tính nhân bản. Văn hóa xây dựng trên nền tảng của tính nhân bản bao giờ cũng mang tính bền vững. Nói theo quan điểm duy tâm là "có hậu".

Nếu như yêu cầu thứ nhất và thứ hai là nhằm đảm bảo cho mục tiêu phát triển kinh tế thì yêu cầu thứ ba đảm bảo cho nhiệm vụ bảo tồn văn hóa. Thực hiện đúng ba yêu cầu này tạo nên sự hài hòa giữa hai mặt lợi ích: lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần.

3. Khai thác yếu tố văn hóa dân tộc trong quản lý kinh tế

Như ý kiến đã nêu tại phần trên, chúng ta chỉ mới lưu ý đến một mặt của vấn đề là phát triển kinh tế không ảnh hưởng đến bảo tồn văn hóa chứ chưa khai triển đầy đủ về thứ hai là dùng môi trường văn hóa như một động lực cho sự phát triển kinh tế.

Văn hóa Việt Nam nằm trong vùng văn hóa Đông-Đông Nam Á, cũng là khu vực chứng kiến sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và nhanh chóng của nhiều quốc gia: Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc, Hongkong, Singapore. Có hay không tính liên kết giữa đặc thù văn hóa và thành công về kinh tế của khu vực này?

Đây là khu vực tương đối đồng nhất về văn hóa với sự phổ biến của tam giáo Phật-Lão-Nho, của các quan niệm thế giới quan, vũ trụ quan, nhân sinh quan Đông phương. Từ đó, mô hình phát triển kinh tế cũng mang những nét riêng biệt khác với mô hình kinh tế cổ điển phương Tây: đề cao tính dân tộc, trực tiếp hoặc gián tiếp xem văn hóa như một động lực phát triển kinh tế, nhấn mạnh triết lý kinh doanh, coi trọng quản trị theo quá trình (MBP) hơn là quản trị theo mục tiêu (MBO), thực hiện chế độ làm việc dài hạn, luân phiên đổi việc, ra quyết định theo nhóm, trách nhiệm theo nhóm, nhấn mạnh vai trò của mỗi quan hệ, giảm đến mức tối thiểu sự khác nhau về địa vị giữa người lãnh đạo và người công nhân...

Những thành công kinh tế của Đông Á đạt được phải được thừa nhận là ít phải trả giá hơn phương Tây về mặt suy đồi đạo đức, gia tăng tội ác và những tập tục văn hóa vẫn giữ được bản sắc nhất định, xã hội mang tính ổn định cao.

Ta thử lập bảng so sánh một số yếu tố văn hóa có tác động mạnh đến sự phát triển kinh tế của một số nước trong khu vực:

Tiêu chí	Nhật Bản	Hàn Quốc	Đài Loan	Hong-kong	Singapore	Việt Nam
Sự ổn định của chế độ chính trị	Khá	t. bình	t. bình	cao	cao	cao
Cơ sở về nông nghiệp	có	có	có	không	không	có
Coi trọng phát triển mối quan hệ	tốt	tốt	có	có	tốt	chưa lưu ý
Trình độ phát triển nền giáo dục	cao	khá	t. bình	t. bình	cao	t. bình
Tính kỷ luật làm việc	cao	cao	khá	khá	cao	t. bình
Vấn đề đa dân tộc	không	không	không	không	có	có
Tinh thần quốc gia dân tộc chủ nghĩa	cao	cao	có	không	có	t. bình

Qua bảng trên có thể thấy môi trường "văn hóa kinh tế" của Việt Nam tại thời điểm hiện nay ít thuận lợi hơn so với các nước. Đề cập đến phạm trù văn hóa kinh tế, mỗi nước có đặc điểm riêng của mình. Ví dụ như Chaebol là một biểu hiện của văn hóa kinh tế Hàn Quốc, Mochav là một biểu hiện văn hóa kinh tế Do Thái. Vậy đâu là nét văn hóa kinh tế của Việt Nam thời đương đại? Phải thừa nhận là chưa có gì nổi trội. Vấn đề đối với Việt Nam là phải làm sao huy động được tiềm lực văn hóa của dân tộc vào công cuộc phát triển kinh tế với tính chất là một sự nghiệp toàn dân, thể hiện trên cả hai lĩnh vực vĩ mô và vi mô. Trong phạm vi bản báo cáo xin trình bày một số ý kiến về các mặt xây dựng tinh thần dân tộc, phát triển giáo dục, nông nghiệp và nông thôn, vấn đề con người, vấn đề tập thể và đơn vị kinh tế.

Một đặc điểm của dân tộc Việt Nam là chủ quan thiếu cảnh giác, chỉ khi bị dồn vào chân tường mới sực tỉnh, "nước đến chân mới nhảy". Trong cuộc chiến tranh kinh tế, không có đối thủ cụ thể ở trước mặt, không mang tính nguy cơ nhãn tiền nên nhiều khi ta chưa có được sự tập trung đúng mức. Phải xác định rằng mặt trận kinh tế cũng quyết liệt và xương máu như mặt trận súng đạn, phải luôn đề cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Chúng ta phải thấy tấm gương của nước Nhật những năm sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai: chỉ với một sự quyết tâm cao độ của cả một dân tộc mới tạo nên một sự thần kỳ về kinh tế như vậy.

Để tạo nên sự quyết tâm đó, Nhật Bản đã sẵn có một tinh thần quốc gia dân tộc chủ nghĩa phát triển lên đến mức cao trào. Chúng ta không có được điều đó trong hoàn cảnh thời bình. Vì lẽ đó phải từng ngày từng giờ quảng bá cho một tinh thần yêu nước, một tinh thần dân tộc được cảm nhận trong từng cá thể một cách thường xuyên. Chúng ta không sợ rơi vào chủ nghĩa sô-vanh, vì điều đó phải được hiểu là xa lạ với bản tính hiếu hòa của dân tộc Việt Nam. Một *môi trường văn hóa dân tộc tính* phải được thiết kế.

Từ đó, một cuộc "chiến tranh nhân dân" trong lĩnh vực kinh tế phải được phát động, đảm bảo huy động mọi nguồn nhân lực của dân tộc, phải ý thức về sự thua kém mất tự chủ của một dân tộc yếu về kinh tế.

Đầu tư nhiều hơn nữa cho vấn đề *phát triển nông nghiệp và nông thôn*, trên cơ sở nền nông nghiệp vững chắc để tiến hành công nghiệp hóa-hiện đại hóa, đưa nông thôn lên ngang tầm thành thị, đề cao vai trò người nông dân với tư cách làm ra của cải vật chất nuôi sống cả dân tộc.

Thực sự xem *giáo dục văn hóa dân tộc* là quốc sách, thực hiện chương trình giáo dục về văn hoá Việt Nam từ những cấp thấp. Nghiên cứu sử dụng tầng lớp ưu tú khoa cử, hạn chế tâm lý trọng già, tạo động lực phát triển cho một đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn và tinh thần cao. Tôn trọng và đề cao sự thành đạt cá nhân.

Đề cao *lợi ích cá nhân*, hòa quyện hai lợi ích cá nhân và tập thể, làm sao để mỗi cá thể nhận rõ chân giá trị của dân tộc, của cá nhân. Coi trọng lợi ích lâu dài, phúc lợi và công bằng xã hội, coi trọng nhu cầu của con người. Đề cao mục tiêu tu dưỡng đạo đức cá nhân theo tinh thần Đông phương.

Phát huy *tinh thần tập thể* trên nền tảng tinh thần cộng đồng làng xã. Làm sao để người công nhân cảm thấy có trách nhiệm và gắn bó lợi ích với *đơn vị* mình như *ngôi làng* của mình. Kết hợp vận dụng các lý thuyết kinh tế trong môi trường văn hóa dân tộc, chẳng hạn như lý thuyết tác phong, lý thuyết định lượng và lý thuyết hệ thống. (*Lý thuyết tác phong*: yếu tố xã hội là nguyên nhân tăng năng suất lao động, kích thích nhu cầu phát triển, cần tạo bầu không khí dân chủ theo tinh thần cộng đồng làng. *Lý thuyết hệ thống*: liên kết làm sao để hệ thống lớn hơn tổng các thành phần. Thực tế Việt Nam lại chưa phát huy được nên có khi hệ thống lại nhỏ hơn tổng các thành phần...)

*

* *

Đây là một đề tài lớn trông chờ sự tham gia của các nhà lý luận và thực tiễn. Tham vọng của bản báo cáo chỉ ở mức xin được phép đặt vấn đề để mọi người cùng tham gia tìm ra một chiến lược chung vì mục tiêu: kết hợp bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc trong bối cảnh của một công cuộc phát triển kinh tế theo một mục tiêu tổng thể: phát triển xã hội.